

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/DS-ST

Ngày: 10-9-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiên Di.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Huyền;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Bích T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 01, trại giam C1, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Bích T trình bày:

Ngày 21/12/2015, chị T cho anh Nguyễn Quốc V vay số tiền 50.000.000 đồng, có viết giấy nợ và ký tên, hạn đến ngày 19/4/2016 sẽ trả lại cho chị. Đến khoảng một tuần sau ngày vay lần thứ nhất, anh V tiếp tục vay chị số tiền 50.000.000 đồng, lần này anh V không viết giấy nhận nợ mới cho chị mà viết thêm vào giấy nợ ngày 21/12/2015, nội dung là cộng thêm 50.000.000 đồng, viết bằng bút mực màu đen. Việc viết giấy nợ lần đầu vào ngày 21/12/2015 có anh Nguyễn Văn T làm chứng, còn lần thứ hai vay 50.000.000 đồng chỉ có chị và anh V biết, ngoài ra không có ai biết. Trước đây trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 chị yêu cầu anh V trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng, nay chị xin rút một phần yêu cầu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số 30.000.000 đồng, chị chỉ yêu cầu anh V trả cho chị số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc anh V yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trong giấy nợ ghi ngày 21/12/2015 chị không đồng ý, nếu anh V muốn giám định thì anh tự chịu chi phí giám định, chị không chịu chi phí này.

- Tại bản tự khai ngày 27/6/2018, bị đơn anh V trình bày:

Trước đây anh có vay chị T số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000.000 đồng /tháng, có viết giấy nợ do anh và chị T ký tên trong giấy nợ và có anh Nguyễn Văn T ký tên làm chứng. Đến khoảng một tháng sau anh tiếp tục hỏi vay chị T số tiền 50.000.000 đồng nhưng chị T chỉ đưa cho anh số tiền 20.000.000 đồng tại nhà chị T ở Thành phố Hồ Chí Minh, lần này không viết giấy nợ mà chỉ ghi thêm vào giấy nợ cũ là cộng 50.000.000 đồng. Từ lúc vay tiền đến nay anh có trả cho chị T 02 lần tiền lãi, một lần là 5.000.000 đồng và một lần 3.000.000 đồng nhưng không yêu cầu chị T viết biên nhận. Giấy nợ ghi ngày 21/12/2015 không phải chữ ký và chữ viết của anh nên anh yêu cầu giám định chữ ký trong giấy nợ, và chi phí anh yêu cầu bên chị T tạm ứng trước. Nay anh chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích T, buộc anh V trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng, không tính lãi

Về án phí: Anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Chị Phạm Bích T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Nguyễn Quốc V có nơi cư trú tại Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[2] Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh V trả số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 30/7/2018, chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 30.000.000 đồng, chỉ yêu cầu anh V trả cho chị số tiền 70.000.000 đồng. Xét thấy việc chị T rút một phần yêu cầu là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của chị T.

Đối với yêu cầu của chị T: Xét thấy tại bản tự khai ghi ngày 27/6/2018 anh V thừa nhận có vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng, có viết giấy nợ do anh V và chị T ký tên, sau đó anh V vay tiếp số tiền 50.000.00 đồng, không viết giấy nợ mới mà ghi vào giấy nợ cũ là cộng thêm 50.000.000 đồng. Anh V cho rằng ở lần vay sau, chị T chỉ đưa cho anh số tiền 20.000.000 đồng, nay anh chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng; tuy nhiên anh V không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Như vậy lời khai của anh V phù hợp với lời khai của chị T và giấy nợ ghi ngày 21/12/2015; đây là những tình tiết, sự kiện không

phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó yêu cầu của chị T có cơ sở chấp nhận.

[3] Anh V cho rằng trong quá trình vay tiền của chị T anh có trả cho chị T 02 lần tiền lãi, tổng cộng 8.000.000 đồng, nhưng anh cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc anh có trả tiền lãi cho chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

[4] Anh V yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của anh trong giấy nợ ghi ngày 21/12/2015 vì anh cho rằng không phải chữ của anh, nhưng anh không nộp chi phí giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.500.000 đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích T đối với anh Nguyễn Quốc V.

Buộc anh Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Bích T số tiền vốn vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng của chị Phạm Bích T đối với anh Nguyễn Quốc V.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V không thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh V còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc V phải chịu 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Bích T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị T số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018996 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã kí)

Nguyễn Thiên Di

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không

liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

